

DANH MỤC TÀI LIỆU**Tên đơn vị: Phòng Quản lý Thương mại – Xuất nhập khẩu năm 2022**

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Ghi chú
I	CÁC QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC, PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH NỘI BỘ (Kể cả các quyết định bổ sung, sửa đổi TTHC, QTNB)		
1	Tên Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh, bao gồm các TTHC sau:		Số ngày, cơ quan ban hành Quyết định phê duyệt QTNB
1.1	Lĩnh vực giám định thương mại	598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190	1538/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110	1538/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
1.2	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	2249/QĐ-UBND ngày 08/8/2018	
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004	Thực hiện QT ISO
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000002	-
5	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033	-
6	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474	-
7	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131	-

8	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000001	-
1.3	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	
9	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
11	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
12	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
14	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	742/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
16	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
17	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
19	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
20	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
21	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022

22	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
23	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000674	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
24	Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	1.010696	41/QĐ-CST ngày 12/4/2022
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	2766/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	
25	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000459	130/QĐ-SCT ngày 14/10/2022
26	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.001005	130/QĐ-SCT ngày 14/10/2022
1.4	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	1477/QĐ-UBND ngày 28/5/2018	
27	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166	Thực hiện QT ISO
28	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774	-
29	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662	-
30	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	1.001441	-
31	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000665	-
32	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322	-
33	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập	2.000334	-

	trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500 m ²		
34	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339	-
35	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361	-
36	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272	-
37	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330	-
38	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000340	-
39	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351	-
40	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362	-
41	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370	-
42	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	2.000255	-
	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
43	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020

44	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000347	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
45	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000450	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
46	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000327	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	2766/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	
47	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan cấp giấy phép	2.000314	130/QĐ-SCT ngày 14/10/2022
1.5	Lĩnh vực Quản lý Cạnh tranh	598/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
48	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2020
	Lĩnh vực Quản lý Cạnh tranh	1262/QĐ-UBND ngày 10/5/2018	
49	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631	Thực hiện QT ISO
50	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309	-
51	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609	-
52	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619	
1.6	Lĩnh vực kinh doanh khí	1522/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	
53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	1.000481	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000279	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022

55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
56	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000390	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000156	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
58	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000078	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
60	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000136	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142	133/QĐ-SCT ngày 24/10/2022
II/	CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN CHO VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN		
1	Lĩnh vực Giám định thương mại	Số, ngày, cơ quan ban hành	Hiệu lực ngày....., thay thế cho Văn bản số
	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;	Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của TTCP; Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ; Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của BCT	Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo thay thế Nghị định số 20/1999/NĐ-CP ngày 12/4/1999 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ giám định hàng hóa.

	- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006;		- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2015.
	- Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.		- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/02/2015.
2.	Lĩnh vực Xúc tiến Thương mại		
	- Luật Thương mại 2005; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;	Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội; Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ	- Có hiệu lực từ ngày 01/01/2006. - Có hiệu lực từ ngày từ ngày 15/7/2018.
3	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước		
	1. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; 2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	- Có hiệu lực từ ngày 01/11/2017. - Có hiệu lực từ ngày ngày 22/3/2020. - Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013.

	<p>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá</p> <p>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p>		<p>- Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2017</p> <p>- Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018</p> <p>- Có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 3 năm 2020</p>
4	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế		
	<p>1. Luật Thương mại ngày 14/6/2005;</p> <p>2. Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>3. Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, kê khai, thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ</p>	<p>- Luật Thương mại ngày 14/6/2005;</p> <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>- Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2016.</p> <p>- Có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p>

	chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.		
5	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh		
	<p>1. Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>2. Quyết định 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục 09 loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung.</p> <p>3. Quyết định 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 02/2012/QĐ-TTg về Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung</p> <p>4. Quyết định 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 sửa đổi Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;</p> <p>5. Quyết định 25/2019/QĐ-TTg ngày 13/8/2019 sửa đổi Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung</p>	<p>Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2012; Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011; Quyết định 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012;</p> <p>Quyết định 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015; Quyết định 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018; Quyết định 25/2019/QĐ-TTg ngày 13/8/2019; Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013;</p> <p>Quyết định 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019</p> <p>Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018;</p> <p>Quyết định 1229/QĐ-BCT ngày 12/4/2018.</p>	<p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2011.</p> <p>- Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2012.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/10/2018</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2019</p>

	<p>6. Thông tư 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013; về mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung</p> <p>7. Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp</p> <p>8. Quyết định 1229/QĐ-BCT ngày 12/4/2018 của Bộ Công Thương công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý cạnh tranh thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>		<p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2013.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2018.</p>
6	Lĩnh vực kinh doanh khí		
	1. Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ	- Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.
	<p>2. Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi một số điều của các Nghị định có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>3. Quyết định 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019 công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	<p>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</p> <p>Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương</p>	- Có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 3 năm 2020.